

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2022/HS-ST**
Ngày 22/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thúy Hà

Bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 và ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HS ngày 19/8/2022, đối với bị cáo:

Hoàng Văn D, sinh ngày 28/02/1982; giới tính: Nam;

Trú tại: Tổ dân phố 05, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do (thời điểm phạm tội là cán bộ Phòng Bảo vệ chính trị Công an tỉnh Tuyên Quang; Ngày 17/01/2017, D xuất ngũ khỏi Ngành Công an nhân dân theo Quyết định số 178 ngày 17/01/2017 của Công an tỉnh Tuyên Quang); Ngày 20/9/2022, Thành ủy Tuyên Quang quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên đối với đảng viên Hoàng Văn D theo Quyết định số 909-QĐ/TU; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1951 và bà Ngô Thị B, sinh năm 1953; Anh, chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là thứ năm; Vợ: Mai Thị Mỹ C, sinh năm 1987 (đã ly hôn năm 2013); Vợ thứ hai: Nguyễn Phương N - Sinh năm 1996 (đã ly hôn tháng 7/2022); Con: Có 01 người, sinh năm 2011;

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Vắng mặt.

2. Ông **Đinh Viết T**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

- Ông **Nguyễn Phi H**, sinh năm 1973;. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Trần Ngọc L**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Bà **Hoàng Thị T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2016, Hoàng Văn D, cư trú tại thôn Hưng Kiều 3, xã A (nay là Tổ dân phố 05, phường A), thành phố T có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Ngày 30/11/2016, do cần phương tiện di chuyển, công tác, Hoàng Văn D gọi điện thoại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Tâm Đức là anh Nguyễn Văn Đ, trú tại thôn Tiến Vũ 8, xã A (nay là Tổ dân phố 10, phường A), thành phố T hỏi thuê xe ô tô tự lái, được Anh Đ thông báo giá thuê xe ô tô, hướng dẫn D thủ tục cần thiết cho việc làm hợp đồng thuê xe.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D gặp Anh Đ và lập hợp đồng thuê xe ô tô tự lái, thời hạn thuê xe từ ngày 30/11/2016 đến ngày 09/12/2016, số tiền thuê xe là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*), D thanh toán đủ tiền thuê xe cho Anh Đ. Sau đó, Anh Đ giao cho D chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, màu sơn trắng, biển số 22A-055.75 và các giấy tờ liên quan theo xe (Đăng ký xe ô tô bản phô tô, giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô, biên lai thu tiền sử dụng phí đường bộ, hóa đơn giá trị gia tăng dịch vụ đăng kiểm của xe ô tô). Sau khi nhận xe và giấy tờ, D điều khiển xe ô tô về nhà tại Tổ dân phố 5, phường A, thành phố T (trong hợp đồng ghi thời gian giao xe là 21 giờ ngày 30/11/2016 nhưng thực tế D nhận xe khoảng hơn 18 giờ ngày 30/11/2016).

Khoảng 20 giờ cùng ngày, chị Mai Thị Mỹ C, đăng ký HKTT: Tổ dân phố 04, phường L, thành phố T; tạm trú: Thôn 17, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (là vợ cũ của D, đã ly hôn năm 2013, C và D có 01 người con chung) gọi điện thoại cho D, yêu cầu D giúp đỡ cùng trả số tiền nợ chung của hai người vay từ năm 2011 là 120.000.000 đồng. Lúc này D lo sợ chủ nợ sẽ gửi đơn đến Công an tỉnh Tuyên Quang (thời điểm đó D đang là cán bộ Phòng Bảo vệ chính trị Công

an tỉnh Tuyên Quang) nên D nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô biển số 22A-055.75 của Anh Đ đi cầm cố lấy tiền đưa cho chị C trả nợ.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, D điều khiển xe ô tô Kia Morning biển số 22A-055.75 đến gặp anh Trần Ngọc L, trú tại Tổ dân phố 29 (nay là Tổ dân phố 14), phường P, thành phố T thỏa thuận cầm cố với số tiền 230.000.000 đồng. D nói với anh L chiếc xe ô tô trên D đang thế chấp tại ngân hàng, chưa rút được giấy tờ gốc nên anh L chỉ trả trước cho D 190.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau D giao giấy tờ gốc thì anh L trả hết số tiền còn lại là 40.000.000 đồng, nhưng thực tế anh L chỉ đưa trước cho D số tiền 140.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ anh Linh, D đưa cho chị C 100.000.000 đồng trả nợ, còn lại 40.000.000 đồng, D chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 09/12/2016, hết hạn thuê xe, D đề nghị gia hạn thuê xe thì được Anh Đ đồng ý cho gia hạn thuê xe đến ngày 10/3/2017, D đã thanh toán một phần số tiền thuê xe là 10.000.000 đồng. Đến hạn trả xe, Anh Đ yêu cầu D trả xe ô tô nhưng D không có khả năng chuộc xe ô tô để trả cho Anh Đ nên bỏ trốn khỏi địa phương.

Đến khoảng tháng 2 năm 2022, D viết thư gửi Anh Đ với nội dung D thuê chiếc xe ô tô của Anh Đ, do cần tiền nên mang xe đi cầm cố, D không có khả năng chuộc lại xe cho Anh Đ và hứa sẽ sớm trả tiền cho Anh Đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 40/KLĐG ngày 14/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: Xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại Morning, biển số 22A-055.75, tỷ lệ % thực tế còn lại là 60%; giá trị còn lại là 183.000.000 đồng.

Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Ngày 03/11/2016, Hoàng Văn D vay Nguyễn Phi H, trú tại tổ dân phố 1, phường T, thành phố T số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*). Do bị H gọi điện giục trả nợ nhiều lần và bản thân cũng cần tiền để chi tiêu cá nhân nên D nảy sinh ý định đi thuê xe ô tô tự lái rồi mang xe đi cầm cố lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Khoảng 13 giờ ngày 20/12/2016, D đến Cửa hàng kinh doanh ô tô đã qua sử dụng “Toàn Loan” tại địa chỉ tổ dân phố 5 (nay là tổ dân phố 4), phường H, thành phố T của anh Đinh Viết T, trú tại tổ dân phố 31 (nay là tổ dân phố 12), phường T, thành phố T, mục đích thuê xe mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Khi gặp anh Toàn, D nói dối muốn thuê một chiếc xe ô tô để đi công tác tại các huyện trong tỉnh Tuyên Quang. Vì quen biết D và tin D nói thật (tại thời điểm này, D đang là cán bộ Phòng Bảo vệ chính trị Công an tỉnh Tuyên Quang) nên Toàn giao cho D 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại: CRUZE KL1J-JNE11/AA5 với biển số cũ của xe 36A-044.91 và 01 bộ bơm trợ lực tay nhãn hiệu T2S2DCL30036, xe chưa có biển số mới do anh T mua lại xe cũ và đang rút hồ sơ để đăng ký lại (quá trình điều tra D khai thuê xe ô tô của anh T thỏa thuận tiền thuê xe 800.000 đồng/ngày). D để lại cho anh T 01 bản Chứng minh

nhân dân photo, viết vào mặt sau nội dung mượn xe ô tô trên của anh Toàn, từ ngày 20/12/2016 đến ngày 25/12/2016.

Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, D điều khiển chiếc xe ô tô trên đến nhà anh Nguyễn Phi H vay thêm số tiền 40.000.000 đồng, viết giấy vay tiền với tổng nợ cũ và mới là 110.000.000 đồng. D tự nguyện để lại xe ô tô trên cho anh H làm tin. Sau khi nhận 40.000.000 đồng, D trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Đến hẹn không thấy D trả xe ô tô, anh T yêu cầu D trả xe nhưng D thông báo cho anh T biết xe đã cầm cố cho anh Hùng, không có khả năng lấy lại chiếc xe rồi D bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 17/01/2017 D xuất ngũ khỏi Ngành Công an nhân dân theo Quyết định số 178 ngày 17/01/2017 của Công an tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 15/3/2022, Hoàng Văn D đến Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố T đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 52/KLĐG ngày 16/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số hiệu CRUZE, biển số 36A-044.91, tỷ lệ % còn lại là 70%, giá trị còn lại là 364.700.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 469/GĐ-KTHS ngày 19/9/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ viết, chữ ký trên “GIẤY VAY TIỀN” ngày 20/12/2016 đứng tên người vay Hoàng Văn D, trú tại: thôn Hưng Kiều 3, xã A, thành phố T với chữ viết, chữ ký TRÊN “BẢN TƯỜNG TRÌNH”, “GIẤY CAM KẾT” viết tay của Hoàng Văn D là do cùng một người viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 622/KL-KTHS ngày 02/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định (thư của D viết cho Anh Đ) và chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Văn D trên mẫu so sánh “BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH” là do cùng một người viết và ký.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 91/CT-VKSTP ngày 15 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Hoàng Văn D có lý lịch nêu trên về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c, khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a, khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm c, khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a, khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D Phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và 09 (chín) năm đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, xét xử bị cáo từ 13 (mười ba) năm tù đến 14 (mười bốn) năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: Buộc bị cáo phải trả cho anh Trần Ngọc L 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Trong quá trình điều tra, bị cáo Hoàng Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục nhận tội, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có tình tiết gì mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn D tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: nội dung khai của bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; vật chứng thu giữ; kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận tháng 11 và tháng 12 năm 2016, Hoàng Văn D, cư trú tại thôn Hưng Kiều 3, xã A (nay là Tổ dân phố 05, phường A), thành phố T có hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, cụ thể:

Ngày 30/11/2016, tại nhà của anh Nguyễn Văn Đ, trú tại thôn Tiến Vũ 8, xã A (nay là tổ dân phố 10, phường A), thành phố T, Hoàng Văn D có hành vi

lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe ô tô Kia Morning, biển số 22A-055.75 trị giá 183.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu đồng*) của anh Nguyễn Văn Đ.

Ngày 20/12/2016, tại cửa hàng kinh doanh ô tô đã qua sử dụng “Toàn Loan” địa chỉ tổ dân phố 5 (nay là tổ dân phố 4), phường H, thành phố T của anh Đinh Viết T, trú tại tổ dân phố 31 (nay là tổ dân phố 12), phường T, thành phố T, Hoàng Văn D có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô Chevrolet Cruze, màu sơn đen, không lắp biển số, trị giá 364.700.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) của anh Đinh Viết T.

Bị cáo Hoàng Văn D là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, dùng thủ đoạn gian dối sau khi có được tài sản rồi sử dụng tài sản một cách bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản (là xe ô tô trị giá 183.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu đồng*)) cho chủ sở hữu hợp pháp anh Nguyễn Văn Đ, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho anh Đinh Viết Toàn tin là bị cáo thuê xe ô tô để sử dụng nên đã giao xe cho bị cáo nhưng mục đích của bị cáo là đem xe để đi cầm cố lấy tiền, trị giá xe ô tô bị cáo chiếm đoạt của anh T là 364.700.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*), hành vi này đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c, khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a, khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, đúng quy định, cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; có thành tích xuất sắc trong công tác; Có ông nội là Hoàng Thế Thường được tặng Huân chương độc lập hạng Ba và Huân chương chiến thắng hạng Ba; Người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, Do vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Văn D xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn thành phố T. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi lượng hình HĐXX xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên HĐXX xem xét khi lượng hình để đưa ra mức hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.

[6] Quá trình điều tra xác định khi Hoàng Văn D đặt xe ô tô Chevrolet Cruze làm tin vay tiền của anh Nguyễn Phi H nhưng H không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Trần Ngọc L: Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận sau khi thuê xe ô tô Kia Morning, biển số 22A-055.75 của anh Nguyễn Văn Đ, do cần tiền trả nợ nên mang xe ô tô này cầm cố cho anh Trần Ngọc L nhưng anh L khẳng định D và anh L thỏa thuận mua bán xe ô tô trên với giá 230.000.000 đồng. Do chưa có giấy tờ gốc của xe ô tô nên thỏa thuận đưa trước 140.000.000 đồng và sẽ trả nốt 90.000.000 đồng cho D khi D giao đủ giấy tờ gốc của xe ô tô. Do đó, Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với anh Đinh Viết T: Quá trình điều tra, D khai nhận xe ô tô Chevrolet Cruze là anh T cho D thuê, thỏa thuận tiền thuê xe là 800.000 đồng/ngày nhưng anh T khẳng định vì xe ô tô không có biển số nên không cho thuê theo quy định, do quen biết và tin tưởng D là cán bộ công an tỉnh Tuyên Quang nên anh T cho D mượn xe ô tô trên, không lắp biển số, D tự viết vào mặt sau của bản photo chứng minh nhân dân nội dung mượn xe và thời gian mượn xe. Do đó, Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ xem xét, xử lý.

[7] Về vật chứng:

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia, số loại Morning, biển số 22A-055.75: Khoảng đầu tháng 3 năm 2017, anh Trần Ngọc L cho bạn là Nguyễn Chí T, trú tại Tổ dân phố 02, phường A, thành phố T mượn. Ngày 04/4/2017, sau khi được Cơ quan điều tra thông báo về nguồn gốc của chiếc xe thì anh Tùng giao nộp cho Cơ quan điều tra. Ngày 21/4/2017 Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe cho bị hại Nguyễn Văn Đ.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số hiệu CRUZE, biển số 36A-044.91: Anh Nguyễn Phi H mang chiếc xe đến gửi ở nhà cậu ruột là Đinh Văn N, trú tại xóm 3, tổ dân phố L, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, biết chiếc xe ô tô là tài sản do D phạm tội mà có, ngày 26/8/2017 anh H tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra. Ngày 12/9/2017, Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe trên cho bị hại Đinh Viết T.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu bị cáo Hoàng Văn D bồi thường dân sự; Anh Đinh Viết T yêu cầu bị cáo Hoàng Văn D bồi thường 8.000.000 đồng là tiền sửa chữa, thay mới phụ tùng khi anh T được

trả lại xe ô tô Chevrolet Cruze; Anh Nguyễn Phi H yêu cầu bị cáo Hoàng Văn D bồi thường 110.000.000 đồng; Anh Trần Ngọc L yêu cầu bị cáo Hoàng Văn D bồi thường 140.000.000 đồng; Bị cáo nhất trí và tác động gia đình, nhờ chị gái ruột là Hoàng Thị T trả cho Đinh Viết T 8.000.000 đồng, trả cho Nguyễn Phi H 110.000.000 đồng, trả cho Trần Ngọc L 70.000.000 đồng, hiện còn 70.000.000 đồng chưa trả cho anh Linh. Tổng số tiền chị Thúy bồi thường giúp bị cáo là 188.000.000 đồng (*một trăm tám mươi tám triệu đồng*). Chị Thúy không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền này. Do vậy, HĐXX không xem xét trách nhiệm dân sự của bị cáo Hoàng Văn D đối với chị Hoàng Thị T.

Buộc bị cáo phải trả cho anh Trần Ngọc L số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*).

[9 Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;

[10] Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a, khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D Phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D **04 (bốn)** năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và **09 (chín)** năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là **13 (mười ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/3/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 280 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải trả cho anh Trần Ngọc L số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*).

Khoản tiền bị cáo phải thanh toán nêu trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Hoàng Văn D g phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo Hoàng Văn D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/9/2022; Bị hại (anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Viết Toàn) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Trần Ngọc L, anh Nguyễn Phi H) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

(Bị cáo, bị hại được kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ + Bộ phận HS
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thúy Hà - Lê Thị Thảo

Vương Thị Lan

